

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/DS-ST
Ngày: 20/05/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Kim Ngọc;

2/ Bà Mai Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Bảo Trân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 488/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 585/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số B, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D – Sinh năm 1993

Địa chỉ: C Đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

(Xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Phan Thanh G – Sinh năm 1978

Địa chỉ: I Đường L, Tổ A, Ấp C, Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 17/12/2019, ông Phan Thanh G ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 455376-3560 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông G, Ngân hàng đã đồng ý

cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 180.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông G1 thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.304.218.310 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông G1 thanh toán cho ngân hàng số tiền (gồm gốc và lãi) là 916.500.000 đồng.

Kể từ ngày 06/02/2021, ông G2 phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 24/06/2023, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông G3 211.171.104 đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 20/05/2024, ông G4 nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 211.171.104 đồng
- Lãi quá hạn: 93.294.428 ồng
- Tổng cộng: 304.465.532 ồng

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc yêu cầu ông G5 trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn cũng như tạo điều kiện về mặt thời gian để ông G6 nợ nhưng ông G7 không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, ông G1 vi phạm các điều khoản được quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Phan Thanh G8 số tiền tính đến ngày 20/05/2024 là 304.465.532 ồng trong đó nợ gốc 211.171.104 đồng và lãi quá hạn là 93.294.428 đồng. Ngoài ra, ông G4 phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/05/2024 cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu ông G8 toàn bộ số tiền làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phan Thanh G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, ông G không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án mặc dù được Tòa án thông báo họp lệ các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện N án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thanh G là bị đơn mặc dù mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phan Thanh G vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc là 211.171.104 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 455376-3560 ký ngày 17 tháng 12 năm 2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) có số thẻ 455376-3560 và bản tóm tắt sao kê có đủ cơ sở để xác định bị đơn là ông G có sử dụng thẻ của Ngân hàng. Như vậy, giữa ông Phan Thanh G và Ngân hàng đã phát sinh giao dịch dân sự là vay tài sản. Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 455376-3560 ký ngày 17 tháng 12 năm 2019 thì ông G được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 180.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.304.218.310 đồng và đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 916.500.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi.

Kể từ ngày 06/02/2021, ông Phan Thanh G vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 211.171.104 đồng (gồm nợ gốc, phí trễ hạn và lãi trong hạn) sang nợ quá hạn kể từ ngày 24/06/2023.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Trong trường hợp này, ông Phan Thanh G là bên đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ và thời hạn trả nợ trong hợp đồng tín dụng.

Theo quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Phan Thanh G phải trả số tiền nợ gốc là 211.171.104 đồng (Hai trăm mười một triệu một trăm bảy mươi một nghìn một trăm lẻ bốn đồng).

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

Trong quá trình vay và sử dụng thẻ ông G đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo quy định trong hợp đồng nên ông G phải chịu lãi theo quy định tại các điều khoản của hợp đồng. Theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền

thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 455376-3560 ký ngày 17 tháng 12 năm 2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) do ông G ký thì giữa ông G và Ngân hàng đã thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng (lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng x 150%). Như vậy, theo hợp đồng thẻ tín dụng nói trên, ông G đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với **Ngân hàng N** mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi được quy định trong hợp đồng và phải chịu các nghĩa vụ trả nợ khác của Ngân hàng. Tính đến ngày 20/05/2024, số tiền lãi mà ông G phải trả cho Ngân hàng là 93.294.428 đồng. Ngoài ra, ông G còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 21/05/2024 cho đến khi ông G trả hết nợ.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Phan Thanh G phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày 20/05/2024 là 93.294.428 đồng và ông G còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 21/05/2024 cho đến khi ông G trả hết nợ là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Phan Thanh G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền 304.465.532 đồng, trong đó nợ gốc là 211.171.104 đồng, nợ lãi là 93.294.428 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 21/05/2024 cho đến khi ông G trả hết nợ.

Về phương thức trả nợ: Do ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông G phải trả toàn bộ số nợ còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phan Thanh G phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 tiền tính đến ngày 20/05/2024 là 304.465.532 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 211.171.104 đồng, nợ lãi là 93.294.428 đồng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 455376-3560 ký ngày 17 tháng 12 năm 2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) có số thẻ 455376-3560.

Phương thức trả: Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phan Thanh G có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/05/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 455376-3560 ký ngày 17 tháng 12 năm 2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) có số thẻ 455376-3560.

2/ Phí đn sự sơ thẩm 15.223.277 (Mười lăm triệu hai trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi bảy) đồng do ông Phan Thanh G chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.085.122 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0007706 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên